TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN LẠC** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 6 - 2023
V/v Tranh chấp HNGĐ- Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN LẠC- TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Bùi Đình Dũng**

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà **Bùi Thị Thiết**, Phó Chủ tịch Hội Phụ nữ huyện Tân Lạc.

2. Ông **Bùi Thanh Tân**, Chuyên viên phòng Giáo dục huyện Tân Lạc.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tăng Thị Hồng**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên toà: Ông **Nguyễn Thành Công**, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2023/TLST- HNGĐ ngày 24/3/2023 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST-HN&GĐ, ngày 24/5/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh **Bùi Văn H** sinh năm 1977.

Trú tại: Xóm T, xã N, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

2. Bị đơn : Chị **Bùi Thị T**, sinh năm 1983 (***Đã bị Tòa án tuyên bố Mất tích***).

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng trước khi mất tích: Xóm T, xã N, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được nộp tiền tạm ứng án phí ngày 24/3/2023, bản tự khai và quá trình tố tụng tiếp theo, nguyên đơn anh Bùi Văn H trình bày: Anh và chị Bùi Thị T sau quá trình tự do tìm hiểu, đã tự nguyện kết hôn, hai gia đình có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình ngày 24/02/2001. Sau kết hôn vợ chồng chung sống với gia đình nhà chồng tại xóm T, xã N, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Vì vợ chồng còn trẻ chưa có nghề nghiệp và không có thu nhập gì khác ngoài làm nông nghiệp; sau kết hôn lại có con ngay nên cuộc sống khá khó khăn. Vì mưu sinh chị T muốn thoát ly theo thanh niên trong xã đến các khu công nghiệp làm thuê, kiếm sống, nuôi con. Tuy nhiên, anh H không đồng ý mà động viên chị phải chịu khó làm

nông như trồng trọt, cày cấy, chăn nuôi tăng gia sản xuất cải thiện đời sống nhưng chị T không chịu. Cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và luôn căng thẳng. Năm 2004, vợ chồng sinh con thứ hai. Cuộc sống đã vốn khó khăn lại càng thêm vất vả. Anh H đã cố gắng an ủi và chăm lo cho chị T và con nhưng mâu thuẫn vốn có của vợ chồng bởi tính tình không hợp, trái ngược nhau về quan điểm sống lại càng trở nên nặng nề; Chị T không quan tâm đến con, anh và gia đình mà bỏ mặc. Hạnh phúc rạn vỡ, cuộc sống vợ chồng ngày thêm ngột ngạt. Anh H không đi thoát ly để làm ăn và cũng không cho vợ đi làm thuê song chị T không quan tâm, vẫn bỏ chồng bỏ con đi làm thuê. Thời gian đầu còn về thăm chồng con. Khi đó anh H lại động viên vợ ở nhà làm ăn, rau cháo, sớm tối có nhau. Tuy nhiên chị T không chịu. Tháng 12/2019, trong khi anh đi làm vắng. Chị T bỏ nhà, bỏ chồng con đi đâu làm gì không ai biết. Chị T cũng không thông tin gì cho chồng con.

Từ khi chị T bỏ đi, anh H đã đi tìm ở nhiều nơi và cũng nhờ anh em họ hàng tìm giúp ở nhiều nơi và cũng áp dụng mọi biện pháp tìm kiếm song cũng không có tin tức hay thông tin gì từ chị T. Chờ không được anh Bùi văn H làm đơn đề nghị Tòa án tuyên bố chị Bùi Thị T mất tích. Sau khi thụ lý, giải quyết: Tòa án và anh H cũng đã đưa thông tin tìm kiếm chị Bùi Thị T trên phương tiện thông tin đại chúng là Đài tiếng nói Việt Nam và báo Công lý. Đài tiếng nói Việt Nam cũng đã đăng thông tin tìm kiếm chị Bùi Thị T, sinh năm 1983. Phát trên VOV2 vào 7h30 các ngày 15-16-17/10/2022. Báo Công lý, cơ quan ngôn luận của Tòa án nhân dân Tối Cao cũng đã đăng thông tin tìm kiếm chị Bùi Thị T, sinh ngày 04/02/1983. Nhắn tin trên trên 03 số báo liên tiếp 84-85-86 ra các ngày 21-26-28/10/20232. Tuy nhiên, việc đăng thông tin tìm kiếm và nhắn tin đã quá thời hạn 04 tháng theo quy định của pháp luật mà vẫn không có kết quả: Tại Quyết định giải quyết việc dân sự sơ thẩm số 01/2023/QĐST-VDS ngày 22/02/2023 Tòa án nhân dân huyện Tân lạc đã chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của anh Bùi Văn H và tuyên bố: Chị Bùi Thị T " ***Mất tích***.".

Đến nay, Quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Chị Bùi Thị Tiền vẫn không về và không có tin tức gì. Anh Bùi Văn H làm đơn xin ly hôn với người đã bị Tòa án tuyên bố mất tích là chị Bùi Thị T. Về con chung: Có 02 con là Bùi Thị Q, sinh ngày 02/10/2002 và Bùi Thị T, sinh ngày 11/7/2004. Các cháu đều đã trưởng thành, khỏe mạnh, phát triển bình thường cả về thể chất và tinh thần; Cháu Q đã có gia đình riêng; theo quy định của pháp luật, anh H không phải có trách nhiệm nữa nhưng anh vẫn sẽ có trách nhiệm bảo ban con cái. Về tài sản chung - Công nợ chung: Không có. Về án phí: Anh Bùi Văn H xin tự nguyện chịu toàn bộ .

Vì anh Bùi Văn H đã có đơn đề nghị không cần lấy lời khai hay tổ chức phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như tiến hành hòa giải nữa. Đồng thời vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn nên Tòa đã tiến hành niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật. Đến ngày xét xử chị Bùi Thị T vẫn không có mặt. Phiên tòa vẫn được tiến hành vắng mặt chị T bởi đã có quyết định tuyên bố chị Bùi Thị T mất tích và quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đưa ra quan điểm: Tòa án đã tuyên bố chị Bùi Thị T mất tích và quyết định đã có hiệu lực pháp luật nên vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có cơ sở. Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của anh H là phù hợp với tài liệu đã thu thập trong hồ sơ vụ án. Việc kết hôn của anh H và chị T là tự nguyện và hợp pháp; mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ lâu và đã ở mức độ trầm trọng; chị Tiền đã bỏ đi mất tích nên đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và xử cho anh Hợp được ly hôn chị Bùi Thị Tiền. Về con chung: Các cháu đều đã trưởng thanh, khỏe mạnh, phát triển đầy đủ cả về thể chất và tinh thần nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng. Về tài sản chung và công nợ chung: Không có nên không đề cập. Về trách nhiệm nộp án phí: Cần áp dụng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận sự tự nguyện chịu án phí của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: - Quan hệ pháp luật tòa án giải quyết là tranh chấp về ly hôn. Nguyên đơn là là anh Bùi Văn H và bị đơn chị Bùi Thị T cả hai trước cùng trú tại xóm T, xã N, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Chị T trước khi mất tích cũng trú tại địa chỉ trên nên anh H khởi kiện vụ án, Tòa xác định anh là nguyên đơn. Chị Bùi Thị T là người bị khởi kiện và đã bị Tòa tuyên bố "Mất tích" là bị đơn là đúng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình, theo quy định tại Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị T chung sống và kết hôn với nhau tháng 2/2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, mâu thuẫn do tính tình không hợp, khác biệt về quan điểm sống. Vợ chồng xung đột khiến cuộc sống gia đình bức bách, nặng nề. Vì kinh tế khó khăn, chị T đề nghị anh H đi làm công nhân lao động để lấy tiền nuôi vợ con nhưng anh H không đi mà yêu cầu chị ở nhà làm kinh tế gia đình. Chị lại không làm mà bỏ chồng, con lại quê đi làm thuê, sinh sống, làm việc và từ tháng 12/2019, chị không về gia đình, không thông báo tin tức, không quan tâm đoái hoài đến gia đình, chồng, con; Vợ chồng ly thân từ đó đến nay, xác định: Tình cảm vợ chồng không còn; Tòa án cũng đã tuyên bố chị Bùi Thị T "Mất tích". Để đảm bảo cho tương lai anh Bùi Văn H có yêu cầu xin được ly hôn với người đã bị Tòa án tuyên bố mất tích là chị Bùi Thị T.

Xét hôn nhân giữa anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị T từ sau khi kết hôn được một thời gian ngắn vợ chồng đã thường xuyên xảy ra những mâu thuẫn, bất hòa không thể hòa hợp, chị Bùi Thị T đã bỏ đi biệt tích từ tháng 12/2019, cả hai đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn khả năng đoàn tụ. Căn cứ tình trạng thực tế thì hôn nhân giữa vợ và

chồng không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn để xử cho anh Bùi Văn Hợp được ly hôn chị Bùi Thị Tiền là cần thiết, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam.

[3]Về con chung: Có 02 con là Bùi Thị Q, sinh ngày 02/10/2002 và Bùi Thị Th, sinh ngày 11/7/2004. Các cháu đều đã trưởng thành, khỏe mạnh, phát triển bình thường cả về thể chất và tinh thần nên vấn đề chăm sóc và nuôi dưỡng, giáo dục không đề cập giải quyết.

[4]Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu đồng thời xác định không có nợ chung nên không đề cập xử lý.

[5]Về án phí: Anh Bùi Văn H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, 56, 58, điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] -Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Bùi Văn H được ly hôn với chị Bùi Thị T.

[2]- Về án phí: Anh Bùi Văn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án huyện Tân Lạc theo biên lai số: 0002793 ngày 24/3/2023.

[3]- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả bản án được niêm yết

Án xử sơ thẩm công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSNDtỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Tân Lạc;
- THA huyện Tân Lạc;
- Các đương sự;
- UBND xã Ng-Tân Lạc;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Bùi Đình Dũng